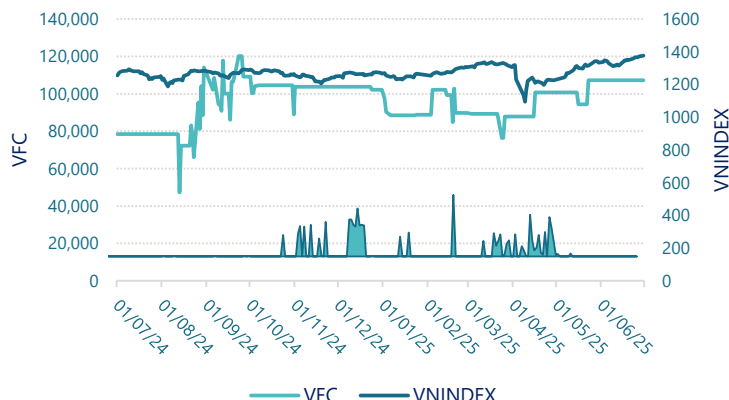




CTCP Vinafco (UPCOM: VFC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	107,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	120,203
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	47,247
SL cổ phiếu LH	33,801,062
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,623
P/E	106.3
EPS	1,009

DT thuần

Q2/25

312

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0 | 9.3%

YoY: ▲ 34.0 | 12.1%

LN sau thuế

Q2/25

3.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.30 | -66.7%

YoY: ▼ 4.63 | -59.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.5%

+/- YoY: ▼ 2.7%

DT thuần

6T 2025

597

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0 | 5.8%

LN sau thuế

6T 2025

12.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.71 | 336%

ROE

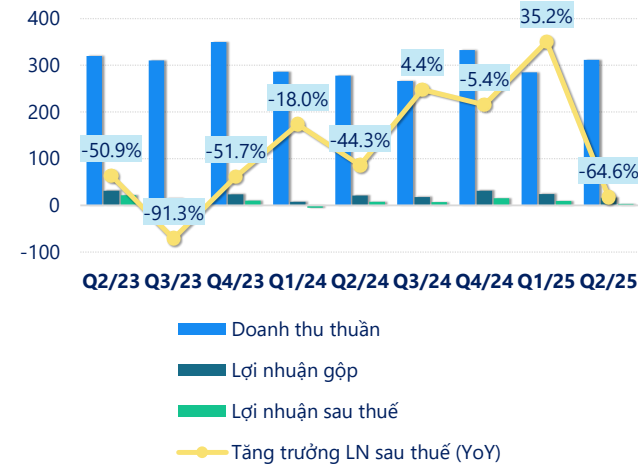
Q2/25

4.9%

+/- YoY: ▲ 2.2%

tỷ VNĐ

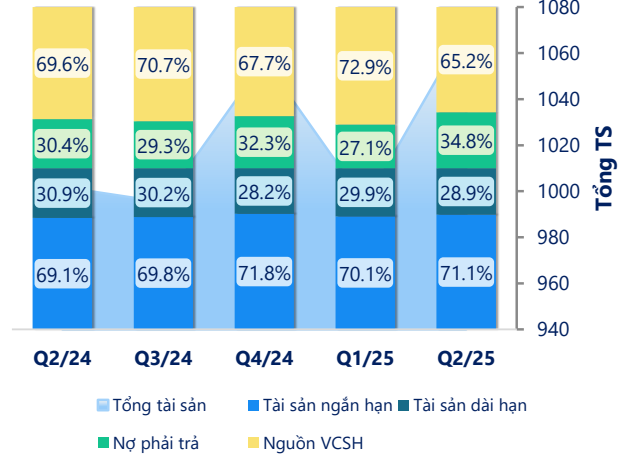
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

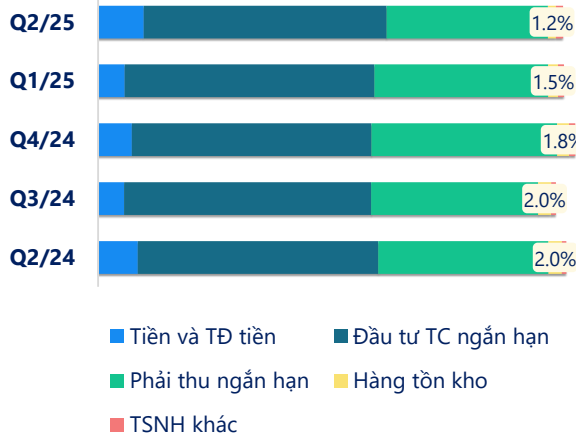
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



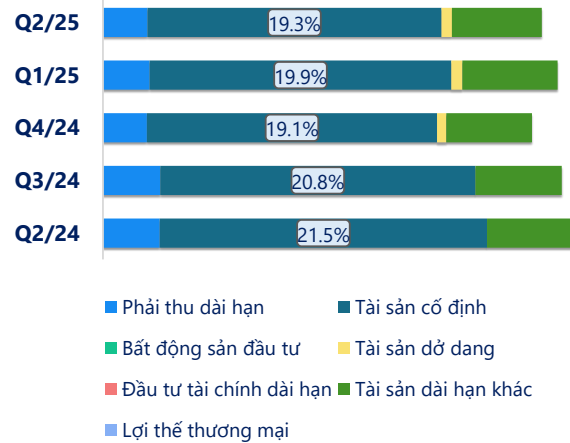
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

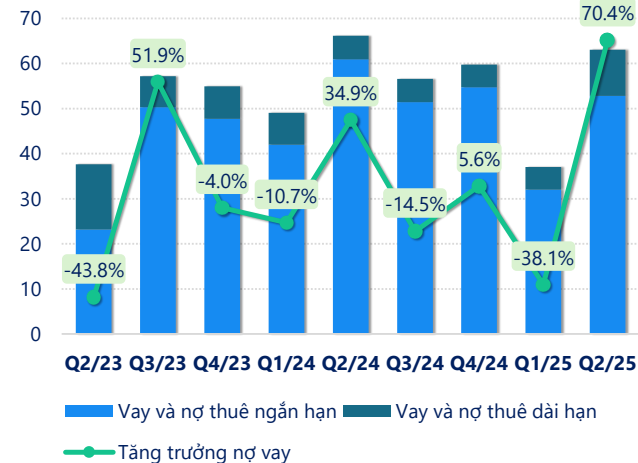
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

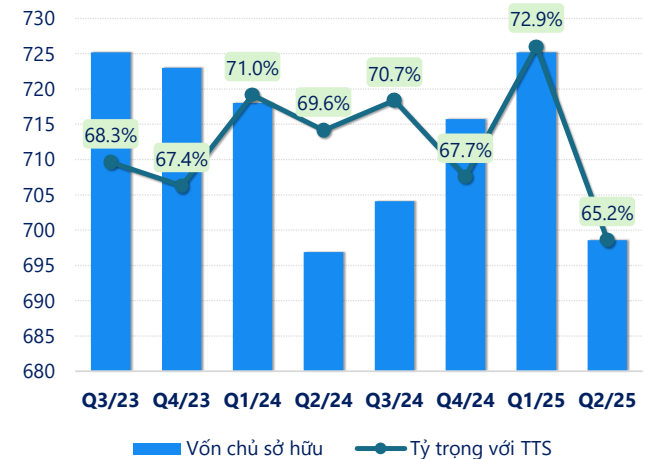
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

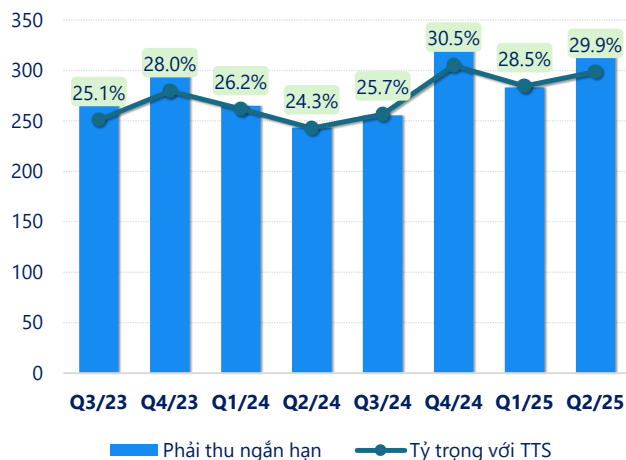
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



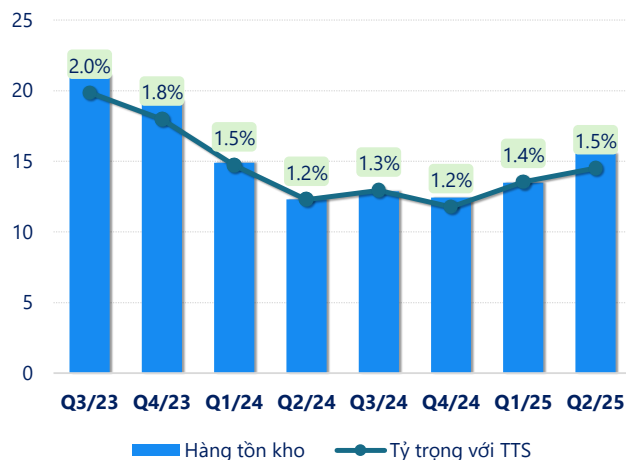
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


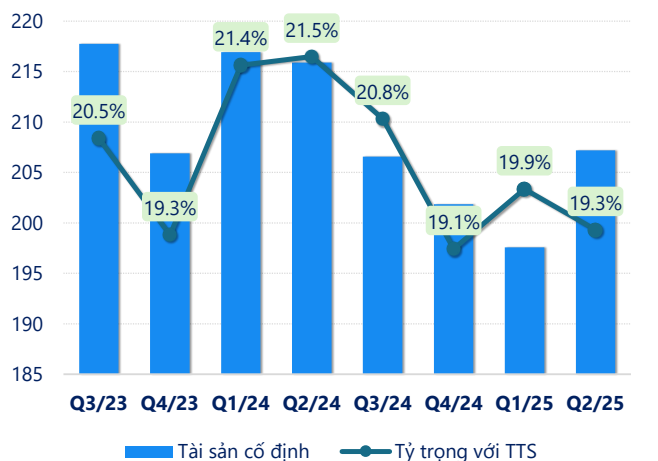
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


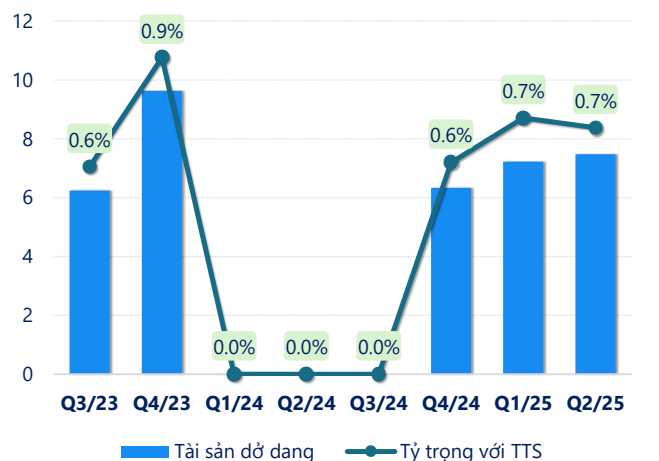
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

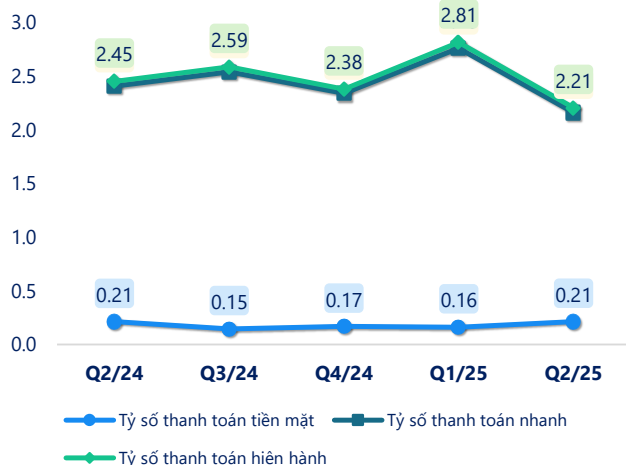
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

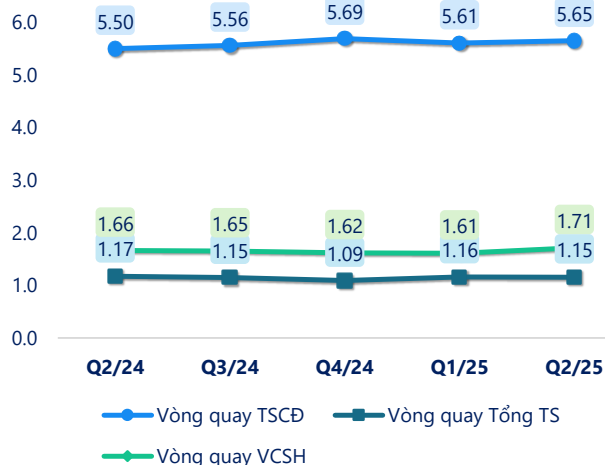
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,002	995	1,057	995	1,071
Tài sản ngắn hạn	692	695	758	697	762
Tiền và tương đương tiền	59.9	38.9	53.5	39.9	73.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	366	379	363	354	344
Phải thu ngắn hạn	243	255	322	283	320
Hàng tồn kho	12.3	12.9	12.4	13.5	15.5
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	8.94	7.44	6.92	8.80
Tài sản dài hạn	310	301	298	298	309
Phải thu dài hạn	37.5	37.5	30.6	30.6	31.4
Tài sản cố định	216	207	202	198	207
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	6.34	7.22	7.48
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	56.4	56.6	59.7	62.3	63.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	305	291	341	270	373
Nợ ngắn hạn	282	268	319	248	345
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.0	51.4	54.7	32.0	52.8
Phải trả người bán ngắn hạn	166	151	198	157	186
Nợ dài hạn	22.6	22.7	22.1	22.0	27.1
Vay và nợ thuê dài hạn	5.23	5.18	5.04	4.99	10.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	697	704	716	725	699
Vốn chủ sở hữu	697	704	716	725	699
Vốn điều lệ	340	340	340	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)